TRƯỜNG ĐẠI HỌC KNH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

KHOA NGOẠI NGỮ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH CƠ BẢN 2

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên học phần (tiếng Việt):	TIẾNG ANH CƠ BẢN 2
Tên học phần (tiếng Anh):	BASIC ENGLISH 2
Mã môn học:	ENG02
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Ngoại ngữ/ Bộ môn Thực hành tiếng
Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Anh Thư Email: lathu@uneti.edu.vn
GV tham gia giảng dạy:	Toàn thể Giảng viên trong Khoa Ngoại ngữ
Số tín chỉ:	03 (45, 0, 45, 90) Trong đó N: Số tín chỉ; a : Số tiết LT; b: Số tiết TH/TL; a+b/2 = 15xN Số giờ sinh viên tự học :30 x N (Khoản 3 điều 3, Qui chế 686/ĐHKTKTCN, 10.10.2018 ;)
Số tiết Lý thuyết:	45
Số tiết TH/TL:	0
Số tiết Tự học:	90
Tính chất của học phần:	Bắt buộc
Học phần tiên quyết:	Tiếng Anh cơ bản 1
Học phần học trước:	Tiếng Anh cơ bản 1
Các yêu cầu của học phần:	Sinh viên có tài liệu học tập

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Tiếng anh văn bản 2 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ

pháp, ngữ âm,) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói,đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp từ bài 5 đến bài 8 của giáo trình Life A1 – A2

Từ vựng: Sinh viên được trang bị từ mới về các chủ đề cuộc sống hằng ngày như đồ ăn, tiền tệ, du lịch và miêu tả, đồng thời sẽ tiếp cận thêm với một số thuật ngữ căn bản, phổ biến của tiếng Anh chuyên ngành thực phẩm và tài chính.

Ngữ pháp: Sinh viên sẽ được giới thiệu những cấu trúc ngữ pháp căn bản như thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, các cấp độ so sánh của từ và trạng từ và được cung cấp một hệ thống bài tập ứng dụng những cấu trúc đó.

Ngữ âm: Sinh viên sẽ được khắc phục các lỗi phát âm thường gặp, luyện tập phát âm chuẩn nhằm nâng cao năng lực về kĩ năng nghe và kĩ năng nói.

Kỹ năng đọc: Kỹ năng đọc sẽ là kỹ năng cơ bản được quan tâm nhiều hơn trong học phần này, qua đó sinh viên có cơ hội và điều kiện để tiếp xúc với các nguồn tài liệu khác nhau về mặt từ vựng, cấu trúc câu và nội dung chủ đề liên quan đến thị trường trên thế giới, tiền tệ, lịch sử tiền tệ, các trải nghiệm trong quá khứ... Các dạng bài đọc đa dạng phong phú như bài khoá sẵn có trong sách, trích đoạn truyện và các bài lấy từ Internet.

Kỹ năng nói: Trong học phần này, sinh viên sẽ tiếp tục được luyện tập kỹ năng nói gắn với các chủ đề của bài học với những nội dung cụ thể như kỹ năng hội thoại, đưa ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý, hay giải thích sự lựa chọn và các trò chơi ngôn ngữ.

Kỹ năng viết: Chương trình chú trọng đến khả năng viết đúng câu đơn, câu phức về mặt ngữ pháp và cách dùng từ, dấu câu, cách miêu tả hình dáng, tính cách của một người, cách viết thư cám ơn theo thể thức thông thường và trịnh trọng, cách viết đoạn văn dùng từ nối.

Kỹ năng nghe: Sinh viên được luyện tập nghe hiểu thông qua các đoạn miêu tả ngắn, các đoạn hội thoại với nhiệm vụ tìm thông tin chi tiết, nghe chọn câu trả lời Đúng/Sai, nghe điền vào chỗ trống. Các bài nghe thường ở dạng hội thoại hoặc bài khoá gắn với chủ đề bài học 5-8 giáo trình LIFE A1-A2.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

Về kiến thức

- Sinh viên nắm vững những kiến thức ngữ pháp cơ bản như cấu trúc và cách sử dụng các thì (hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn ,so sánh…); cấu trúc câu.

- Sinh viên nắm vững và sử dụng thành thạo lượng từ vựng cần thiết liên quan đến những chủ đề của học phần như về ẩm thực, tiền tệ, phương tiện giao thông, mô tả hình dạng con người, các loại hình giải trí, phim ảnh, các lễ hội, ...

- Sinh viên sử dụng thành thạo cách hỏi, đáp về số lượng, đưa ra yêu cầu, đề nghị, cách kể lại một câu chuyện hay tường thuật lại sự việc, cách đưa ra lời mời, nhận và sắp xếp cuộc gặp, ...

- Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Sinh viên nâng cao được kỹ năng nghe qua những hoạt động nghe cơ bản như nghe đoạn hội thoại để trả lời câu hỏi, tìm thông tin chi tiết, chọn câu trả lời đúng sai.
- Kỹ năng nói: Sinh viên thực hiện được những hoạt động nói thông thường trong đời sống hàng ngày liên quan đến các chủ đề của học phần. Ngoài ra, sinh viên được làm quen với cách nói trình bày quan điểm, thuyết trình một vấn đề.
- Kỹ năng đọc: Sinh viên nâng cao được kĩ năng đọc hiểu của mình, thành thục với các dạng bài tập đọc hiểu như chọn Đúng/Sai, trả lời câu hỏi, điền từ vào chỗ trống, tìm ý chính của bài, tìm thông tin chi tiết từ bài đọc.
- Kỹ năng viết: Sinh viên làm quen với những hoạt động viết đơn giản như viết lời khuyên trên mạng, viết quảng cáo, viết báo cáo, miêu tả một nhân vật, một vật, kể lại một câu chuyện...vv..
- Các nhóm kỹ năng khác:
  - kỹ năng làm việc theo nhóm
  - tư duy phản biện
  - kỹ năng học tập, tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet
  - kỹ năng giao tiếp tự tin

- Về mặt thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
- Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, các tài liệu trên mạng internet…
- Tôn trọng thời gian biểu, làm việc và nôp bài đúng hạn
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CĐR	**Mô tả CĐR học phần** *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:*	**CĐR của CTĐT**
G1	**Về kiến thức**	
G1.1.1	*Nắm vững kiến thức ngữ pháp cơ bản về ngữ pháp, cấu trúc và cách sử dụng các thì trong tiếng Anh.*	1.1.2
G1.1.2	*Sử dụng thành thạo một lượng từ vựng liên quan đến những chủ đề nhất định.*	1.1.2
G1.1.3	*Sinh viên sử dụng thành thạo cách hỏi, đáp về số lượng, đưa ra yêu cầu, đề nghị, cách kể lại một câu chuyện hay tường thuật lại sự việc, cách đưa ra lời mời, nhận và sắp xếp cuộc gặp*	1.1.2
G2	**Về kỹ năng**	
G2.2.1	*Nâng cao kỹ năng nghe qua những hoạt động nghe cơ bản như*	2.2.2

	nghe đoạn hội thoại để trả lời câu hỏi, tìm thông tin chi tiết, chọn câu trả lời đúng sai.	
G2.2.2	*Thực hiện những hoạt động nói thông thường trong đời sống hàng ngày, đồng thời làm quen với cách nói trình bày quan điểm, thuyết trình một vấn đề.*	2.2.2
G2.2.3	*Nâng cao kĩ năng đọc hiểu qua các dạng bài tập đọc hiểu như chọn Đúng/Sai, trả lời câu hỏi, điền từ vào chỗ trống, tìm ý chính của bài, tìm thông tin chi tiết từ bài đọc.*	2.2.2
G2.2.4	*Làm quen với những hoạt động viết đơn giản chủ yếu liên quan đến việc mô tả như miêu tả, viết email, tin nhắn, so sánh.*	2.2.2
G3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp**	
G3.2.1	*Có trách nhiệm đối với công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc chuyên nghiệp*	3.2.1, 3.1.1
G3.2.2	*Có khả năng cập nhật, sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.*	3.1.2

5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH/ TL	Tài liệu học tập, tham khảo
1	**Introduction & Unit 5** **Introduction to the course** • Course book • Total time • Evaluation standards • Objectives • Demands • Online learning **UNIT 5: FOOD** **1.1. Unit opener** 1.1.1. Listening: Why does he say he has a great job? 1.2. Class 5a. Famous for food 1.2.1 Listening: What is a popular dish in your country? 1.2.2 Vocabulary: Food 1.2.3 Pronunciation: /tʃ/ or / dʒ/ 1.2.4 Speaking & Listening: Famous for food 1.2.5 Grammar: Countable, uncountable nouns, articles. 1.2.6 Speaking: Planning a special meal for six people with different dishes	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH/ TL	Tài liệu học tập, tham khảo
2	**2.2. Class 5b - Food markets** 2.1.1 Grammar: A lot of, not much/ not many 2.1.2 Listening & Vocabulary: Quantities and containers 2.1.3 Grammar: How many/ How much 2.1.4 Speaking: Doing a role-play at a food market 2.1.5 Reading: The seed vault	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6
3	**3.1. Class 5c - The seed vault** 3.1.1 Reading: The seed vault 3.1.2 Word focus: "of" 3.1.3 Pronunciation: Linking "of" 3.1.4 Critical thinking: Summarising 3.1.5 Speaking: Working in pairs and summarising the article **3.2. Class 5d - At the restaurant** 3.2.1 Speaking & Vocabulary: What are common starters, main courses and desserts on a menu in your country? **3.3. Class 5f - Video** 3.3.1 Video: Gelato University	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6
4	**4.1. UNIT 5: REVIEW** 4.1.1 Grammar 4.1.2 Vocabulary 4.1.3 Real life 4.1.4 Speaking 4.1.5 Test 15' **4.2. UNIT 6: MONEY** **4.2.1. Unit opener - Speaking & Listening: How do buskers earn money?** **4.2.2. Class 6.a -A face on money** 4.2.2.1 Reading: Whose face is on the bank note? 4.2.2.2 Vocabulary: Age 4.2.2.3 Grammar: Was/ were 4.2.2.4 Writing & Speaking: Writing about someone's life	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6
5	**5.1. Class 6a - A face on money** 5.1.1 Listening: Discussing the questions about Birmingham Museum and Art Gallery 5.1.2 Vocabulary: -ed/ -ing adjectives **5.2. Class 6b** 5.2.1 Reading: Anglo – Saxon gold under the ground 5.2.2 Grammar: Past simple (affirmative)	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH/ TL	Tài liệu học tập, tham khảo
	5.2.3 Pronunciation: "ed" ending 5.2.4 Speaking: Talking about five important years in your life			
6	**6.1. Class 6c - A cashless world?** 6.1.1 Reading: A cashless world 6.1.2 Critical thinking: Relevance 6.1.3 Speaking: Survey - your money **6.2. Class 6d. Help!** 6.2.1 Listening: Money for charities! 6.2.2 Real life: Making a request 6.2.3 Pronunciation: Stress in questions **6.3. Class 6e** Writing: Thank you messages **6.4. Class 6f. Video**: Bactrian treasure	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6
7	**7. UNIT 6: REVIEW** 7.1 Grammar 7.2 Vocabulary 7.3 Real life 7.4 Speaking 7.5 Test 45'	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6
8	**UNIT 7: TRANSPORT** **8.1. Unit opener:** **Speaking & Listening -** How did the Mayflower sail across the Atlantic Ocean? **8.2. Class 7a. Flight of the Silver Queen** 8.2.1 Reading: Flight of the Silver Queen 8.2.2 Grammar: Past simple - Negatives 8.2.3 Listening: Discussing the journey in history 8.2.4 Grammar: Past simple- Questions and short answers 8.2.5 Speaking: Talking about the journey you took in the past **8.3. Class 7b. Animal migrations** 8.3.1 Vocabulary: Journey adjectives 8.3.2 Listening: What are animal migrations? 8.3.3 Grammar: Comparative adjectives 8.3.4 Word focus: Than 8.3.5 Pronunciation: Stressed and weak syllables 8.3.6 Speaking: Making comparison	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6
9	**UNIT 7: TRANSPORT**	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH/ TL	Tài liệu học tập, tham khảo
	9.1. Class 7c. The longest journey in space 9.1.1 Reading: The longest journey in space 9.1.2 Critical thinking: Fact or opinion 9.1.3 Grammar: Superlative adjectives 9.1.4 Writing & Speaking: Making comparison among different planets **9.2. Class 7d. How was your trip?** 9.2.1 Vocabulary & Listening: Journey, travel or trip? 9.2.2 Real life: Asking about a trip 9.2.3 Pronunciation: Intonation in questions **9.3. Class 7e. The digital nomad** 9.3.1 Vocabulary: Online writing 9.3.2 Writing: A travel blog 9.3.3 Using "so & because" **9.4. Class 7f. Video.** Video: Woman in space			
10	**10. UNIT 7: REVIEW** 14.1 Grammar 14.2 Vocabulary 14.3 Real life 14.4 Speaking 14.5 Test 45'	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6
11	**Unit 8. APPEARANCE** **11.1.Unit opener** Speaking & Listening: What is the Dinagyang Festival about? **11.2. Class 8a. The faces of festivals** 11.2.1 Listening: Children in masks 11.2.2 Grammar: Have got/ has got 11.2.3 Vocabulary: Face and appearance 11.2.4 Speaking: Asking your partner about your classmates 11.2.5 Pronunciation: Groups of consonants **11.3. Class 8b. Global fashion** 11.3.1 Reading: Global fashion 11.3.2 Word focus: Like 11.3.3 Grammar: Present continuous 11.3.4 Vocabulary: Clothes 11.3.5 Speaking: Describing clothes	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH/ TL	Tài liệu học tập, tham khảo
12	**Unit 8. APPEARANCE** **12.1. Class 8c. In fashion or for life?** 12.1.1 Reading: In fashion or for life? 12.1.2 Vocabulary: Parts of the body 12.1.3 Critical thinking: Close reading 12.1.4 Speaking: Discussing tattoos in fashion **12.2. Class 8d. The photos of Reinier Gerritsen** 12.2.1 Real life: Talking about pictures and photos 12.2.2 Pronunciation: Silent letters	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6
13	**Unit 8. APPEARANCE** **13.1. Class 8e. How R U?** ☺ Thanks 13.1.1 Speaking & Reading 13.1.2 Discussing the questions about emoticons 13.1.3 Writing: Texts and online messages **13.2. Class 8f .Video.** Festivals and special events	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6
14	**14. UNIT 8: REVIEW** 14.1 Grammar 14.2 Vocabulary 14.3 Real life 14.4 Speaking 14.5 Test 15’	3	0	1, 2, 3, 4, 5, 6
15	**15. REVIEW & TEST** 15.1 Consolidation + Practice 15.2 Test 45’	0	6	1, 2, 3, 4, 5, 6

6. MA TRẬN MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP CỦA NỘI DUNG GIẢNG DẠY ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

Mức 1: Thấp
Mức 2: Trung bình
Mức 3: Cao

Tuần	Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần								
		G1.1.1	G1.1.2	G1.1.3	G.2.2.1	G.2.2.2	G.2.2.3	G.2.2.4	G3.2.1	G3.2.2
1	**Introduction & Unit 5** **Introduction to the course** • Course book • Total time • Evaluation standards	3	2		3	1			3	2

Tuần	Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần								
		G1.1.1	G1.1.2	G1.1.3	G.2.2.1	G.2.2.2	G.2.2.3	G.2.2.4	G3.2.1	G3.2.2
	• Objectives • Demands • Online learning **UNIT 5: FOOD** **1.1. Unit opener** 1.1.1. Listening: Why does he say he has a great job? 1.1.2. Class 5a. Famous for food 1.1.3. Listening: What is a popular dish in your country? 1.1.4. Vocabulary: Food 1.1.5. Pronunciation: /tʃ/ or / dʒ/ 1.1.6. Speaking & Listening: Famous for food 1.1.7. Grammar: Countable, uncountable nouns, articles. 1.1.8. Speaking: Planning a special meal for six people with different dishes									
2	**2.1. Class 5b - Food markets** 2.1.2 Grammar: A lot of, not much/ not many 2.1.3 Listening & Vocabulary: Quantities and containers 2.1.4 Grammar: How many/ How much 2.1.5 Speaking: Doing a role-play at a food market 2.1.6 Reading: The seed vault	3	1	2	2	2	2		3	1
3	**3.1. Class 5c - The seed vault** 3.1.1 Reading: The seed vault 3.1.2 Word focus: "of" 3.1.3 Pronunciation: Linking "of"	1	2	1	1	3	2	2	3	1

Tuần	Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần								
		G1.1.1	G1.1.2	G1.1.3	G.2.2.1	G.2.2.2	G.2.2.3	G.2.2.4	G3.2.1	G3.2.2
	3.1.4 Critical thinking: Summarising 3.1.5 Speaking: Working in pairs and summarising the article **3.2. Class 5d - At the restaurant** 3.2.1 Speaking & Vocabulary: What are common starters, main courses and desserts on a menu in your country? **3.3. Class 5f - Video** 3.3.1 Video: Gelato University									
4	**4.1. UNIT 5: REVIEW** 4.1.1 Grammar 4.1.2 Vocabulary 4.1.3 Real life 4.1.4 Speaking 4.1.5 Test 15' **4.2. UNIT 6: MONEY** **4.2.1. Unit opener - Speaking & Listening: How do buskers earn money?** **4.2.2. Class 6.a -A face on money** 4.2.2.1 Reading: Whose face is on the bank note? 4.2.2.2 Vocabulary: Age 4.2.2.3 Grammar: Was/ were 4.2.2.4 Writing & Speaking: Writing about someone's life	3	3	2		1	3	2	3	2
5	**5.1. Class 6a - A face on money** 5.1.1 Listening: Discussing the questions about Birmingham Museum and Art Gallery 5.1.2 Vocabulary: -ed/ -ing adjectives	3	1	2	3	2	3		3	3

Tuần	Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần								
		G1.1.1	G1.1.2	G1.1.3	G.2.2.1	G.2.2.2	G.2.2.3	G.2.2.4	G3.2.1	G3.2.2
	5.2. Class 6b 5.2.1 Reading: Anglo – Saxon gold under the ground 5.2.2 Grammar: Past simple (affirmative) 5.2.3 Pronunciation: "ed" ending 5.2.4 Speaking: Talking about five important years in your life									
6	**6.1. Class 6c - A cashless world?** 6.1.1 Reading: A cashless world 6.1.2 Critical thinking: Relevance 6.1.3 Speaking: Survey - your money **6.2. Class 6d. Help!** 6.2.1 Listening: Money for charities! 6.2.2 Real life: Making a request 6.2.3 Pronunciation: Stress in questions **6.3. Class 6e** Writing: Thank you messages **6.4. Class 6f. Video**: Bactrian treasure	1	2	3	2	3	3	2	3	3
7	**7. UNIT 6: REVIEW** 7.1 Grammar 7.2 Vocabulary 7.3 Real life 7.4 Speaking 7.5 Test 45'	3	3	2		2	3	1	3	1
8	**UNIT 7: TRANSPORT** **8.1. Unit opener: Speaking & Listening -** How did the Mayflower sail across the Atlantic Ocean? **8.2. Class 7a. Flight of the Silver Queen** 8.2.1 Reading: Flight of the Silver Queen 8.2.2 Grammar: Past simple - Negatives	3	2	1	3	3	2	1	3	3

Tuần	Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần								
		G1.1.1	G1.1.2	G1.1.3	G.2.2.1	G.2.2.2	G.2.2.3	G.2.2.4	G3.2.1	G3.2.2
	8.2.3 Listening: Discussing the journey in history 8.2.4 Grammar: Past simple- Questions and short answers 8.2.5 Speaking: Talking about the journey you took in the past **8.3. Class 7b. Animal migrations** 8.3.1 Vocabulary: Journey adjectives 8.3.2 Listening: What are animal migrations? 8.3.3 Grammar: Comparative adjectives 8.3.4 Word focus: Than 8.3.5 Pronunciation: Stressed and weak syllables 8.3.6 Speaking: Making comparison									
9	**UNIT 7: TRANSPORT** **9.1. Class 7c. The longest journey in space** 9.1.1 Reading: The longest journey in space 9.1.2 Critical thinking: Fact or opinion 9.1.3 Grammar: Superlative adjectives 9.1.4 Writing & Speaking: Making comparison among different planets **9.2. Class 7d. How was your trip?** 9.2.1 Vocabulary & Listening: Journey, travel or trip? 9.2.2 Real life: Asking about a trip 9.2.3 Pronunciation: Intonation in questions **9.3. Class 7e. The digital**	3	2	2	2	3	2	2	3	3

Tuần	Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần								
		G1.1.1	G1.1.2	G1.1.3	G.2.2.1	G.2.2.2	G.2.2.3	G.2.2.4	G3.2.1	G3.2.2
	nomad 9.3.1 Vocabulary: Online writing 9.3.2 Writing: A travel blog 9.3.3 Using "so & because" **9.4. Class 7f. Video.** Video: Woman in space									
10	**10. UNIT 7: REVIEW** 10.1 Grammar 10.2 Vocabulary 10.3 Real life 10.4 Speaking 10.5 Test 45'	3	3	3		2	2	1	3	1
11	**Unit 8. APPEARANCE** **11.1.Unit opener** Speaking & Listening: What is the Dinagyang Festival about? **11.2. Class 8a. The faces of festivals** 11.2.1 Listening: Children in masks 11.2.2 Grammar: Have got/ has got 11.2.3 Vocabulary: Face and appearance 11.2.4 Speaking: Asking your partner about your classmates 11.2.5 Pronunciation: Groups of consonants **11.3. Class 8b. Global fashion** 11.3.1 Reading: Global fashion 11.3.2 Word focus: Like 11.3.3 Grammar: Present continuous 11.3.4 Vocabulary: Clothes 11.3.5 Speaking: Describing clothes	3	2	3	3	2	1		3	3
12	**Unit 8. APPEARANCE** **12.1. Class 8c. In fashion or for life?** 12.1.1 Reading: In fashion or for life?	1	3	1		2	3		3	3

Tuần	Nội dung giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần								
		G1.1.1	G1.1.2	G1.1.3	G.2.2.1	G.2.2.2	G.2.2.3	G.2.2.4	G3.2.1	G3.2.2
	12.1.2 Vocabulary: Parts of the body 12.1.3 Critical thinking: Close reading 12.1.4 Speaking: Discussing tattoos in fashion **12.2. Class 8d. The photos of Reinier Gerritsen** 12.2.3 Real life: Talking about pictures and photos 12.2.4 Pronunciation: Silent letters									
13	**Unit 8. APPEARANCE** **13.1. Class 8e. How R U?** ☺ Thanks 13.1.1 Speaking & Reading 13.1.2 Discussing the questions about emoticons 13.1.3 Writing 13.1.4 Texts and online messages **13.2. Class 8f .Video.** Festivals and special events		1			3	1	3	3	3
14	**14. UNIT 8: REVIEW** 14.1 Grammar 14.2 Vocabulary 14.3 Real life 14.4 Speaking 14.5 Test 15’	3	3	1		1	2	1	3	1
15	**15. REVIEW & TEST** 15.1 Consolidation + Practice 15.2 Test 45’	3	3	3			3	3	3	1

7. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định *(Theo QĐ số 686/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10/10/2018)*	Chuẩn đầu ra học phần								
			G1.1.1	G1.1.2	G1.1.3	G.2.2.1	G.2.2.2	G.2.2.3	G.2.2.4	G3.2.1	G3.2.2
1	Điểm quá	1. Kiểm tra định kỳ lần 1	X	X	X	X		X		X	X

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định *(Theo QĐ số 686/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10/10/2018)*	Chuẩn đầu ra học phần								
			G1.1.1	G1.1.2	G1.1.3	G.2.2.1	G.2.2.2	G.2.2.3	G.2.2.4	G3.2.1	G3.2.2
	trình (40%)	+ Hình thức: *Trắc nghiệm* + Thời điểm: *Tuần 7* + Hệ số: *2*									
		2. Kiểm tra định kỳ lần 2 + Hình thức: *Trắc nghiệm* + Thời điểm: *Tuần 10* + Hệ số: *2*	X	X	X	X		X		X	X
		3. Kiểm tra định kỳ lần 3 + Hình thức: *Trắc nghiệm* + Thời điểm: *Tuần 15* + Hệ số: *2*	X	X	X	X		X		X	X
		4. Kiểm tra thường xuyên + Hình thức: *Tham gia thảo luận, kiểm tra 15 phút, hỏi đáp, bài tập trên lớp* + Số lần: *Tối thiểu 1 lần/sinh viên* + Hệ số: *1*	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		5. Kiểm tra chuyên cần + Hình thức: *Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp* + Số lần: *1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần* + Hệ số: *3*								X	X
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	+ Hình thức: *Trắc nghiệm* + Thời điểm: *Theo lịch thi học kỳ* + Tính chất: *Bắt buộc*	X	X	X	X	X	X	X	X	X

8. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

✓ Giảng viên giới thiệu học phần, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học. Nêu nội dung cốt lõi của chương và tổng kết chương, sử dụng bài giảng điện tử và các mô hình giáo cụ trực quan (mô hình 3D của một số chi tiết cơ khí điển hình) trong giảng dạy. Tập trung hướng dẫn học, tư vấn

học, phản hồi kết quả thảo luận, bài tập lớn, kết quả kiểm tra và các nội dung lý thuyết chính mỗi chương.

✓ Giảng viên sẽ mô tả các hoạt động thực tế trong quá trình sản xuất của một doanh nghiệp liên quan đến việc xây dựng, đọc và giải thích được các bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp.

✓ Các phương pháp giảng dạy có thể áp dụng: Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp mô phỏng; Phương pháp minh họa; Phương pháp miêu tả, làm mẫu.

✓ Sinh viên chuẩn bị bài từng chương, làm bài tập đầy đủ, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- ✓ Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- ✓ Sinh viên vắng quá 50% buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.
- ✓ Tham dự các tiết học lý thuyết
- ✓ Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong cuốn sách bài tập hình họa vẽ kỹ thuật
- ✓ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ
- ✓ Tham dự thi kết thúc học phần
- ✓ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

10. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Dunmett, P. Hughes, J., & Stephenson, H (2010). Life [A1-A2]. National Geographic Learning/CENGAGE Learning.

[2]. http://myELT.heinle.com/

10.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Kenny, N., Kelly, A. (2007), Ready for PET. Macmillan Publishers Limited.

[4]. Murphy, R. Smalzer, W.R. (2017). English Grammar in Use, Intermediate. Fourth edition, Cambridge University Press.

11.HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Các Khoa, Bộ môn phổ biến đề cương chi tiết cho toàn thể giáo viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng đề cương chi tiết đã được duyệt.

12.CẤP PHÊ DUYỆT

Hà nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

Phó Trưởng khoa PT	**Trưởng bộ môn**	**Người biên soạn**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
ThS. Nguyễn Thị Luyến	**TS. Nguyễn Thu Hà**	**ThS. Lê Anh Thư**